

Phụ lục 1									
Checklist Chẩn đoán và điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC)									
Họ tên BN:									
Chẩn đoán (ICD):									
Phương pháp kiểm tra:									
TT	Hạng mục kiểm tra	Nội dung kiểm tra	MS tiêu chí	Tiêu chuẩn/ Yêu cầu đạt được	Kết quả			Mô tả tình trạng không đạt	Ghi chú
					Đạt/Có	Không đạt/ Không có	Không áp dụng		
1	Đánh giá và chẩn đoán	Đánh giá	1.1*	Ghi nhận tiền sử hút thuốc lá (trực tiếp hay thụ động)					
			1.2	Khai thác triệu chứng liên quan (ho, ho ra máu, đau ngực, khó thở...)					
			1.3	Có khám hạch ngoại biên (hạch trên đòn)					
			1.4	Khám phổi, xác định có tràn dịch màng phổi không					
			15	Xét nghiệm công thức máu, sinh hóa máu (Glucose, ure, creatinine, điện giải, bilirubin, GOT, GPT, protein, albumin), CRP, CEA					
			1.6*	CT ngực-bụng, siêu âm bụng, MRI não, tế bào học hay mô bệnh học					
		Chẩn đoán và phân loại (nếu có)	1.7*	Chẩn đoán được Ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC); Phân loại được Ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC): 2 nhóm lớn có hướng đến hóa trị (tế bào gai và không phải tế bào gai)					
			1.8*	Chỉ định các xét nghiệm đột biến gen (EGFR, ALK / ROS1...), PD-L1					
2	Điều trị	Xử trí cấp cứu (nếu có)	2.1	Ho ra máu (nếu có)					
			2.2	Tràn dịch màng phổi ác tính					
			2.3	Biến chứng do di căn xa: Chèn ép tủy (di căn xương), tăng áp lực nội sọ (di căn não)					
		Phương pháp điều trị (bao gồm điều trị toàn diện, phối hợp đa ngành: dinh dưỡng, PHCN...)	2.4*	Phẫu thuật: Dẫn lưu màng phổi / Mở ngực sinh thiết/ Cắt phổi hình chêm/ Cắt thùy phổi/Cắt phổi (nếu có phẫu thuật)					
			2.5*	Xạ trị sau mổ (nếu có phẫu thuật)					
			2.6*	Xạ trị triệt để					
			2.7*	Hóa - Xạ trị (nếu có)					
			2.8*	Điều trị nhắm trúng đích (nếu có)					
			2.9*	Hóa trị đơn thuần hoặc điều trị miễn dịch đơn thuần (nếu có)					
			2.10*	Hóa trị phối hợp với miễn dịch (nếu có)					
		Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ	2.11	Nhịn ăn uống, hoàn thiện hồ sơ					
		Xử trí tai biến/biến chứng trong phẫu thuật/thủ thuật (nếu có)	2.12	Xử trí được tai biến/biến chứng trong phẫu thuật/thủ thuật (nếu có)					
		Theo dõi & xử trí tai biến/biến chứng sau phẫu thuật/thủ thuật (nếu có)	2.13	Theo dõi & xử trí tai biến/biến chứng sau phẫu thuật/thủ thuật (nếu có)					
3	Theo dõi sau ra viện	Tiêu chuẩn xuất viện	3.1	Dấu hiệu sinh tồn ổn định					
			3.2	Phổi nở tốt, đã rút ống dẫn lưu màng phổi, vết mổ khô (nếu có phẫu thuật)					
			3.3	X quang phổi kiểm tra ổn (nếu có phẫu thuật), xét nghiệm máu trong giới hạn chấp nhận được					
		Hướng điều trị tiếp theo	3.4	Tái khám ngoại khoa (7-10 ngày sau mổ), theo dõi định kỳ sau mổ (nếu có phẫu thuật)					
			3.5	Xạ trị bổ túc / Hóa xạ trị theo lịch hẹn/ Hóa trị bổ túc theo lịch hẹn/ Hóa trị chu kỳ tiếp theo (tùy trường hợp)					
		Giáo dục sức khỏe bệnh nhân	3.6	Tái khám sau ra viện theo lịch hoặc ngay khi có biểu hiện bất thường (đau ngực, khó thở, sốt...)					
			3.7*	Kế hoạch tái khám: tái khám ngoại khoa hoặc theo lịch hóa xạ - trị; tái khám mỗi 3 tháng trong 2 năm đầu, mỗi 6 tháng trong 3 năm kế tiếp					
			3.8	Giáo dục sức khỏe sau mổ phổi hoặc thời gian xạ trị, điều trị đích, điều trị miễn dịch hoặc hóa trị					
Tổng tiêu chí					29				
Số tiêu chí dấu*					12				
Số tiêu chí thường áp dụng									

Kết quả số lượng/Xếp loại tiêu chí thường		
Kết quả số lượng/Xếp loại tiêu chí dấu *		
Xếp loại 2 tiêu chí		